

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Trọng Minh

Ông Nguyễn Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị M, sinh năm 1986; địa chỉ: Phố LTK, phường PHT, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Quốc C, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu TL, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại X, trại giam HT, huyện CL, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2017 và tại Bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2017, nguyên đơn trình bày:

Chị Đinh Thị M và anh Đỗ Quốc C kết hôn từ năm 2014, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PHT, quận HB, thành phố

Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, hòa thuận. Từ cuối năm 2014, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cách sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được với nhau nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Năm 2015, anh C bị Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng xử phạt 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam HT. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị M và anh C có 01 con chung là Đỗ Bảo H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2012, hiện đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị M đề nghị Tòa án đề hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19 tháng 11 năm 2017, bị đơn trình bày:

Anh Đỗ Quốc C và chị M kết hôn từ năm 2014, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai bên về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh C tại phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống bình thường, hòa thuận. Đến cuối năm 2014, giữa hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai bên bất đồng về quan điểm sống và tính cách. Hai bên thường xuyên cãi vã, thậm chí xô xát lẫn nhau. Từ cuối năm 2015, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị M đã về nhà mẹ đẻ chị sinh sống và hai bên sống ly thân từ đó đến nay, không liên lạc và không quan tâm gì đến nhau. Anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Nay chị M yêu cầu ly hôn thì quan điểm của anh là đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh C xác nhận giữa anh và chị M có 01 con chung là Đỗ Bảo H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2012, hiện đang chung sống cùng chị M. Để đảm bảo sự ổn định cho cháu H, anh C đề nghị Tòa án giao con chung cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh C hiện đang thi hành hình phạt tù tại Trại giam HT, không có điều kiện nên không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M.

Về tài sản chung: Hai bên không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt .

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Chị Đinh Thị M và anh Đỗ Quốc C được ly hôn; về con chung: Giao con chung là Đỗ Bảo H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đinh Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Đỗ Quốc C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị M kết hôn với anh Đỗ Quốc C vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PHT, quận HB, thành phố Hải Phòng nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C là hợp pháp.

[3] Về căn cứ cho ly hôn: Chị M và anh C đều xác nhận cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm không còn. Hai bên đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai nên đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân thực tế của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Hai bên không có bất kỳ biện pháp gì để hàn gắn quan hệ tình cảm vợ chồng, việc anh C đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung là Đỗ Bảo H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2012, hiện đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh C đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của hai bên và đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này hai bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh C theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung thì hai bên có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị M và anh Đỗ Quốc C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Bảo H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2012 cho chị Đinh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên nếu anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh C

3. Về án phí: Chị Đinh Thị M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009963, ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật đối với nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường PHT;
- (Giấy CNKH ngày 17/6/2014);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Trung Dũng